

Ba Đình, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Số: **200/2020/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992

Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1986

Cùng hộ khẩu thường trú: số 11 ngách 29/26 N, phường P, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Vũ Thị T.

- Về con chung: Anh Tuấn A và chị T có 01 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 31/8/2016.

Giao con chung Nguyễn Phương A cho anh Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T đóng góp tiền nuôi con chung là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn) đồng /tháng kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Tuấn A và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- VỒ nî: Anh Tuấn A và chị T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0024411 ngày 08/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND xã L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)